

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0313.569699 Fax: 0313.569689

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 03 ngõ 1295, đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội
Tel: 04 39 74 50 81/82 Fax: 04 39 74 50 83

Hà Nội, tháng 1 năm 2017



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200826844 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2008 và thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 123BT 02 – 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ

Đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 21/05/2014	Đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 01/10/2016
Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng Tổng số cổ phần: 1.000.000	Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng Tổng số cổ phần: 20.000.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014		31/12/2015	
	Vốn góp	Tỷ lệ	Vốn góp	Tỷ lệ
- Nguyễn Văn Bình	82.000.000.000	82,00%	82.000.000.000	82,00%
- Nguyễn Xuân Trường	2.000.000.000	2,00%	2.000.000.000	2,00%
- Nguyễn Văn Đức	8.000.000.000	8,00%	8.000.000.000	8,00%
- Nguyễn Văn Dũng	8.000.000.000	8,00%	8.000.000.000	8,00%
Cộng	100.000.000.000		100.000.000.000	

Người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Văn Bình

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Chi nhánh của Công ty

Chi nhánh Hải Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát mã số chi nhánh 0200826844-001 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2013 và thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 10 năm 2016.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Người đứng đầu: Lê Thị Thanh Lệ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 7 đến trang 31 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên

Các thành viên Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 18/10/2016)
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2016)
Bà Lê Việt Liên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/10/2016)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Quang Hợp	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Mai Quang Hợp	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)
Bà Trần Thị Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 03/01/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công

ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

Số: 27

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát****Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (« Công ty ») được ban Tổng giám đốc phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 01 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại xuất nhập khẩu Việt Phát tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Nguyễn Ngọc Tinh

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

0132-2013-016-1

Lê Văn Dò

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

0231-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	31/12/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		287.475.332.630	203.023.451.044
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.458.548.609	27.361.339.646
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.186.159.384	127.005.285.204
Phải thu của khách hàng	131	V.2	70.495.356.758	50.215.559.589
Trả trước cho người bán	132	V.3	73.135.437.678	70.186.212.775
Các khoản phải thu khác	138	V.4	7.555.364.948	6.603.512.840
Hàng tồn kho	140		102.354.711.284	45.793.134.887
Hàng tồn kho	141	V.5	102.354.711.284	45.793.134.887
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.475.913.353	2.863.691.307
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151	V.6	7.959.627.920	2.863.691.307
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		11.285.433	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.505.000.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.704.496.144	40.910.423.741
Tài sản cố định	210		39.733.653.817	36.696.723.441
Nguyên giá	211	V.8	29.664.117.665	20.614.679.484
Giá trị hao mòn lũy kế	212	V.8	(8.251.866.249)	(5.609.845.591)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213	V.9	18.321.402.401	21.691.889.548
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230		4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	231	V.10	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	240		970.842.327	213.700.300
Tài sản dài hạn khác	248	V.11	970.842.327	213.700.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		332.179.828.774	243.933.874.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		222.484.537.708	139.737.221.496
Nợ ngắn hạn	310		222.244.537.708	139.372.421.496
Vay ngắn hạn	311	V.16	110.224.650.000	27.529.774.552
Phải trả cho người bán	312	V.12	100.092.481.694	104.540.997.592
Người mua trả tiền trước	313	V.	1.399.690.000	4.405.669.323
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	-	895.980.029
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318	V.15	10.527.716.014	2.000.000.000
Nợ dài hạn	330		240.000.000	364.800.000
Vay và nợ dài hạn	331	V.16	240.000.000	364.800.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.695.291.066	104.196.653.289
Vốn chủ sở hữu	410	V.17	109.695.291.066	104.196.653.289
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		9.695.291.066	4.196.653.289
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		332.179.828.774	243.933.874.785

Người lập

Nguyễn Mai Hoa

Kế toán trưởng

Trần Thị Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	602.559.525.976	701.930.925.192
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		602.559.525.976	701.930.925.192
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	565.545.530.532	674.969.375.017
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.013.995.444	26.961.550.175
Doanh thu hoạt động tài chính	21		409.574.685	17.732.525
Chi phí tài chính	22	VI.4	11.151.726.845	909.887.848
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.086.347.860	909.887.848
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VI.5	22.822.039.854	20.462.370.272
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.449.803.430	5.607.024.580
Thu nhập khác	31	VI.6	12.190.726.636	863.636.363
Chi phí khác	32	VI.6	8.549.157.751	846.485.409
Lợi nhuận khác	40		3.641.568.885	17.150.954
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.091.372.315	5.624.175.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.592.734.538	1.237.318.617
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.498.637.777	4.386.856.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.499	4.946

Người lập biểu

Nguyễn Mai Hoa

Kế toán trưởng

Trần Thị Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.091.372.315	5.624.175.534
2. Điều chỉnh cho các khoản			
+ Khấu hao tài sản cố định	02	2.642.020.658	2.549.115.577
+ Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	-	12.889.962
+ Chi phí lãi vay	06	7.086.347.860	909.887.848
3. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.819.740.833	9.096.068.921
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(35.793.096.225)	8.395.005.402
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(56.561.576.397)	79.040.248.089
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả không gồm các khoản phải trả về lãi vay và thuế TNDN	11	1.084.506.226	(152.122.706.950)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(757.142.027)	(3.174.141)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.086.347.860)	(909.887.848)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.500.000.000)	(374.412.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(84.793.915.450)	(56.878.859.263)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.678.951.034)	(8.829.041.234)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	863.636.363
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.678.951.034)	(11.965.404.871)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	75.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	252.622.205.031	57.529.774.552
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(170.052.129.583)	(37.124.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	82.570.075.448	95.404.974.552
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.902.791.036)	26.560.710.418
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.361.339.646	800.629.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.458.548.609	27.361.339.646

Người lập



Nguyễn Mai Hoa

Kế toán trưởng



Trần Thị Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2017



Nguyễn Xuân Trường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200826844 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2008 và thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 123BT 02 – 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ

Đăng ký kinh doanh lần thứ 5 ngày 21/05/2014	Đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 01/10/2016
Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng Tổng số cổ phần: 1.000.000	Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng Tổng số cổ phần: 20.000.000

Chi nhánh của Công ty

Chi nhánh Hải Dương - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát mã số chi nhánh 0200826844-001 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 28 tháng 10 năm 2016.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Thép tiền chế
- Dịch vụ Xuất nhập khẩu
- Dịch vụ Vận tải hàng hóa
- Dịch vụ Cảng thủy nội địa kho bãi

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo hướng dẫn tại theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh do các công trình có khối lượng dở dang cuối kỳ (hoặc chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ), và được xác định dựa vào khối lượng dở dang được kiểm kê tại thời điểm 31/12/2015 do Công ty lập và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Từ 2 năm đến dưới 3 năm
Từ 3 năm trở lên

Mức trích lập dự phòng

30% giá trị
50% giá trị
70% giá trị
100% giá trị

Nợ phải thu khác

Đối với khoản thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, bản quyền phần mềm và tài sản cố định vô hình khác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê các nhà thầu xây dựng, lắp đặt và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc

sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm máy móc, thiết bị và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng. Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của

Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động gia công được ghi nhận khi sản phẩm gia công hoàn thành và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu sẽ không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu liên quan đến việc khách hàng chấp nhận sản phẩm gia công.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu nội bộ, các khoản thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, phải trả nội bộ, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt tại quỹ	4.492.610.361	4.601.026.373
- Văn phòng Công ty	4.190.838.728	4.346.226.307
- Chi nhánh Hải Dương	301.771.633	254.800.066
Tiền gửi ngân hàng	14.965.938.248	22.760.313.273
- Văn phòng Công ty	14.964.813.545	22.759.363.884
- Chi nhánh Hải Dương	1.124.703	949.389
Cộng	19.458.548.609	27.361.339.646

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
- Văn phòng Công ty	70.495.356.758	50.215.559.589
Cộng	70.495.356.758	50.215.559.589

Trong đó:

- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung	53.220.868.208	-
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát	4.732.533.800	28.197.325.236
- Công ty Cổ phần Quốc Tế Hưng Thái	167.348.859	9.005.155.676
- Công ty TNHH Hải Thành	5.518.863.365	-
- Công ty TNHH Thái Dương	1.442.000.000	1.442.000.000
- Công ty Cổ phần Đại Hoàng Sơn	1.136.946.560	1.136.946.560
- Công ty Hữu Hạn Thương mại Vệ Minh	-	1.584.863.580
- Công ty TNHH Thép DongBu Việt Nam	1.484.692.007	-
- HTX công nghiệp Toàn Diện	711.480.000	711.480.000
- Doanh nghiệp tư nhân Dương Anh Thái Nguyên	-	1.200.642.000
- Đối tượng khác	2.080.623.959	6.937.146.537

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
- Văn phòng Công ty	71.795.437.678	68.646.212.775
- Chi nhánh Hải Dương	1.340.000.000	1.540.000.000
Cộng	73.135.437.678	70.186.212.775

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Trong đó:	31/12/2015	31/12/2014
- Công ty CP Quốc Tế Hưng Thái	18.011.832.459	4.058.389.369
- Công ty TNHH Hải Thành	9.250.457.427	20.941.042.930
- Công ty TNHH Hoàng Lan	6.672.982.000	6.672.982.000
- Công ty CP TM Thái Hưng Thịnh	5.119.180.000	5.119.180.000
- Doanh nghiệp tư nhân Dương Anh Thái Nguyên	3.990.802.413	4.619.277.900
- HTX Công Nghiệp Minh Bằng	2.730.000.000	2.730.000.000
- Công ty CP KS và Luyện kim Thăng Long	2.400.000.000	2.400.000.000
- Công ty Phát triển Số 1 TNHH ITV	1.903.643.806	1.903.643.806
- Công ty TNHH TM VT Hoàng Hải	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Hợp kim Sắt Trung Việt	2.567.098.380	-
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	1.260.000.001	1.260.000.001
- Công ty CP TM và Thiết Kế tàu thủy Đình Đô	250.000.000	2.250.000.000
- Công ty CP Đại Hoàng Sơn	998.916.050	998.916.050
- Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Đạt	889.519.300	1.000.000.000
- Công ty TNHH Phú Thịnh CO2	-	1.390.309.590
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Thành	992.876.140	-
- Công ty Cổ phần thép Sông Hồng	480.372.611	480.372.611
- Công ty TNHH Đông Việt Thái Nguyên	913.160.280	-
- Công ty TNHH thép VINA KYOEI	700.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH Thịnh Phúc	390.335.669	390.335.669
- Công ty TNHH ITV Công Nghệ Mới Kinh Doanh	341.002.800	341.002.800
- Công ty TNHH Nhiệm An	-	559.111.850
- Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí mỹ nghệ Thịnh An Phát	353.578.750	-
- Đối tượng khác	11.619.679.592	11.671.648.199

4 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	31/12/2014
Phải thu khác	553.241.266	2.402.352.840
- Văn phòng Công ty	553.241.266	2.402.352.840
Ký quỹ, ký cược	7.000.000.000	-
- Ký quỹ mở LC nhập khẩu hàng hóa Văn phòng Công ty	7.000.000.000	-
Cho vay, trả trước khác	2.123.682	4.201.160.000
- Tạm ứng, cho vay tại Văn phòng Công ty	963.682	4.200.000.000
- Chi nhánh Hải Dương	1.160.000	1.160.000
Cộng	7.555.364.948	6.603.512.840

Trong đó:

Phải thu khác	553.241.266	2.402.352.840
- Công ty TNHH Hải Thành	422.241.266	-
- Công ty Cổ phần Quốc Tế Hưng Thái	-	1.363.636.476
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt	131.000.000	330.000.000
- Đối tượng khác	-	708.716.364
Cho vay, trả trước khác	2.123.682	4.201.160.000
Nguyễn Văn Bình	-	4.200.000.000
Bảo hiểm xã hội	2.123.682	1.160.000

Các giao dịch đi vay và cho ông Nguyễn Văn Bình đều thực hiện bằng tiền mặt và không có lãi suất.

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2015	31/12/2014
Thành phẩm	8.727.360.235	126.705.440
- Văn phòng Công ty	8.727.360.235	126.705.440
Hàng hóa	93.627.351.049	45.666.429.447
- Văn phòng Công ty	93.627.351.049	44.740.974.901
- Chi nhánh Hải Dương	-	925.454.546
Cộng	102.354.711.284	45.793.134.887
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	102.354.711.284	45.793.134.887

Hàng tồn kho thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty (Trụ sở chính ở Hải Phòng) được lưu giữ tại Hải Dương và một phần được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Hải Dương (Chi tiết tại Thuyết minh số V.16).

6 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	31/12/2015	31/12/2014
- Văn phòng Công ty	7.486.744.643	2.503.709.389
- Chi nhánh Hải Dương	472.883.277	359.981.918
Cộng	7.959.627.920	2.863.691.307

7 . Tài sản ngắn hạn khác tại Văn phòng Công ty

	31/12/2015	31/12/2014
Tạm ứng		
- Chi tạm ứng làm thủ tục mở LC	6.500.000.000	-
- Tạm ứng chi phí công tác	5.000.000	-
Cộng	6.505.000.000	-

8 . Tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 01)**9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	31/12/2014
- Văn phòng Công ty	15.124.925.116	18.562.701.354
- Chi nhánh Hải Dương	3.196.477.285	3.129.188.194
Cộng	18.321.402.401	21.691.889.548

Trong đó

San lấp mặt bằng	1.954.901.802	1.954.901.802
Nhà văn phòng, bếp, bể	2.931.670.912	2.931.670.912
Chi phí xây dựng cầu cảng	7.130.321.769	4.470.674.687
Tàu thủy	-	8.377.294.800
Chi phí để kê	3.347.664.545	3.347.664.545
Máy móc thiết bị	2.040.255.917	-
Khác	916.587.456	609.682.802
Cộng	18.321.402.401	21.691.889.548

Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (không gồm Tàu thủy) của Công ty và của chi nhánh Hải Dương đang xây dựng tại địa chỉ Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc, Kim Xuyên, Kim Thành, Hải Dương (Xem thêm tại Thuyết minh số I.1).

10 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Văn phòng Công ty

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Góp vốn vào Công ty TNHH Hải Thành	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

Trong năm công ty thực hiện góp vốn chuyển khoản vào công ty TNHH Hải Thành dự án đóng tàu. Khoản đầu tư này chưa phát sinh doanh thu, chi phí và năm 2016 khoản đầu tư này đã được thu hồi qua tiền gửi ngân hàng.

11 . Tài sản dài hạn khác

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Chi phí trả trước dài hạn		
- Văn phòng Công ty	966.776.527	209.634.500
- Chi nhánh Hải Dương	4.065.800	4.065.800
Cộng	<u>970.842.327</u>	<u>213.700.300</u>

12 . Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Văn phòng Công ty	99.717.481.693	104.009.247.591
- Chi nhánh Hải Dương	375.000.001	531.750.001
Cộng	<u>100.092.481.694</u>	<u>104.540.997.592</u>

Trong đó:	31/12/2015	31/12/2014
- Tập đoàn Than Hóa chất Risun (Trung Quốc)	29.775.083.796	-
- Công ty TNHH Thương mại xây dựng Hoàng Đức	11.055.354.090	16.764.321.250
- Doanh nghiệp tư nhân Luyện Bình	1.654.853.300	22.302.749.650
- Công ty TNHH Long Thắng	7.404.980.385	7.404.980.385
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung	13.044.814.000	-
- Công ty TNHH MTV KD và VT Việt Đức	3.262.221.083	6.654.934.244
- Công ty TNHH MTV VT và TM Thành Đạt QM	1.522.683.110	5.938.104.346
- Công ty TNHH Anh Sơn Thủy	-	5.997.804.340
- Công ty Cổ phần Khoáng Sản An Khánh	1.761.283.002	3.961.283.002
- Công ty TNHH Hồng Phúc	556.165.232	4.737.943.980
- Doanh nghiệp tư nhân Hữu Thành	4.577.329.778	13.548.220
- Công ty TNHH Tổng Hợp Phương Linh	2.118.540.594	2.033.820.540
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Phát	2.205.000.000	1.710.000.000
- Công ty TNHH Dũng Tiến	-	3.711.188.000
- Công ty TNHH MTV Thành Quý	1.818.053.400	1.632.090.000
- Công ty TNHH Vận tải Phúc Thành	-	3.339.944.860
- Công ty Khoáng sản và TM Tiến Hiếu	1.596.255.060	1.596.255.060
- CN Công ty Cổ phần Nhân tại Cao bằng	-	2.866.534.200
- Công ty TNHH MTV Vận tải An Bình	-	2.820.708.000
- Công ty TNHH Đức Dương	2.361.258.714	-
- Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	1.246.827.165	886.139.410
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Thủy Dương	909.835.310	909.835.310
- Doanh nghiệp tư nhân Dung Quang	1.795.508.917	-
- Công ty TNHH SX và TM Cơ Khí Thăng Lợi	385.715.800	1.369.800.000
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Phương Đông HD	1.665.113.268	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trường Thoa	1.590.409.744	-
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Tiến Phương	737.500.500	737.500.500
- Xí nghiệp tư nhân Cơ Khí Thăng Lợi	-	1.419.025.000
- Đối tượng khác	7.047.695.446	5.732.487.295

13 .Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Văn phòng Công ty	31/12/2015	31/12/2014
	1.399.690.000	4.405.669.323
Cộng	1.399.690.000	4.405.669.323
Trong đó		
- Công ty TNHH Thép DongBu Việt Nam	-	3.005.979.323
- Công ty TNHH Thương mại Hoàn Hùng	1.399.690.000	1.399.690.000

14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	31/12/2015	31/12/2014
	-	895.980.029
Cộng	-	895.980.029

15 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	31/12/2014
- Văn phòng Công ty	10.522.467.889	-
- Chi nhánh Hải Dương	5.248.125	2.000.000.000
Cộng	10.527.716.014	2.000.000.000
Trong đó:		
- Phạm Ngọc Khanh	4.500.000.000	-
- Nguyễn Văn Bình	6.000.000.000	-
- Phạm Văn Khoái	-	2.000.000.000
- Đối tượng khác	27.716.014	-

Toàn bộ số dư phải trả khác tại Văn phòng Công ty là các khoản vay cá nhân, không lãi suất. Trong năm, các khoản vay và trả gốc đều được thực hiện bằng tiền mặt.

16 . Vay và nợ tài chính

Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
- (i) Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Hải Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
- (ii) Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, CN Hải Dương	15.224.650.000	-
- (iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Hải Dương	80.000.000.000	12.529.774.552
Cộng	110.224.650.000	27.529.774.552

Trong đó:

(i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Hải Dương bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn tại hợp đồng tín dụng số 177.14.270.430800/TDDN công ty nhận nợ ngắn hạn với số tiền 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 08/10/2015 đến 09/02/2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm, mục đích sử dụng để thanh toán tiền hàng.. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Land Rover Range thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Bình mang BKS 15A-065.79 với giá trị là 4.420.000.000 đồng; 01 xe ô tô nhãn hiệu Lexus thuộc sở hữu của bà Lê Thị Thanh Lê mang BKS 15A-062.79 với giá trị 2.730.000.000 đồng; Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển với giá trị tồn kho tối thiểu 20 tỷ đồng của Công ty tại thửa đất số 1496, bản đồ địa chính số 07 cụm công nghiệp Quỳnh Phúc xã Kim Xuyên huyện Kim Thành với diện tích 78.846 m2.

(ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương bao gồm:

- Căn cứ vào hợp đồng nhận nợ số HDG201500193/HĐCTD ký ngày 02/04/2015, Công ty nhận nợ vay ngắn hạn với số tiền là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 01/02/2016, lãi suất cho vay là 7,36%/năm, mục đích sử dụng để thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Hải Thành.

- Căn cứ vào hợp đồng nhận nợ số HDG201500193/HĐCTD ký ngày 02/04/2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Công ty nhận nợ vay ngắn hạn với số tiền là 7.621.650.000 đồng, thời hạn vay từ 05/10/2015 đến 05/02/2016, lãi suất cho vay là 7,36%/năm, mục đích sử dụng để thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Đức.

- Căn cứ vào hợp đồng nhận nợ số HDG201500193/HĐCTD ký ngày 02/04/2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Công ty nhận nợ vay ngắn hạn với số tiền là 10.463.000.000 đồng, thời hạn vay từ 06/10/2015 đến 06/02/2016, lãi suất cho vay là 7,36%/năm, mục đích sử dụng để thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Đức Dương.

(iii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn tại hợp đồng tín dụng số 140191/NHNTHD ký ngày 03/12/2014 với hạn mức cho vay tối đa là 80.000.000.000 đồng; với mục đích sử dụng để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày Công ty trả hết nợ; lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần tài sản là bất động sản của bên thứ ba; máy móc, thiết bị, xe máy chuyên dùng của Công ty trị giá 24.229.885.165 đồng.

Vay và nợ tài chính dài hạn

Vay dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội, CN Móng Cái</i>	240.000.000	364.800.000
Cộng	240.000.000	364.800.000

Trong đó:

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Móng Cái bao gồm:

- Khoản vay dài hạn tại hợp đồng tín dụng số 103.13.730.430800.TD tháng 12 năm 2013; hạn mức vay tối đa là 500.000.000 đồng; với mục đích sử dụng để thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán số 268/1113/HĐKT/HPF ngày 13/11/2013 với hạn mức vay tối đa là 500.000.000 đồng, lãi suất được xác định vào từng thời kỳ nhận nợ tại mỗi khế ước. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của công ty là 01 xe ô tô tải Pickup Cabin trị giá 791.000.000 đồng mua ngày 06/12/2013 và được thế chấp theo hợp đồng bảo đảm số 95.13.730.430800.BĐ.

17 . Vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 02)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
Doanh thu tại từng đơn vị		
- Văn phòng Công ty	602.559.525.976	701.233.425.192
- Chi nhánh Hải Dương	-	697.500.000
Cộng	602.559.525.976	701.930.925.192
Doanh thu theo loại hình		
- Bán hàng hóa	562.149.270.572	690.932.339.905
- Dịch vụ vận chuyển	40.410.255.404	10.998.585.287
Cộng	602.559.525.976	701.930.925.192

2 . Giá vốn hàng bán

	2015	2014
Giá vốn tại từng đơn vị		
- Văn phòng Công ty	565.545.530.532	674.048.815.033
- Chi nhánh Hải Dương	-	920.559.984
Cộng	565.545.530.532	674.969.375.017
Giá vốn theo loại hình		
- Bán hàng hóa	531.939.713.205	664.083.623.835
- Dịch vụ vận chuyển	33.605.817.327	10.885.751.182
Cộng	565.545.530.532	674.969.375.017

3 . Chi phí theo yếu tố

	2015	2014
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	233.047.091.833	506.505.253.438
Chi phí nhân công	5.406.944.000	5.143.830.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.935.855.882	2.755.575.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.405.226.230	35.843.250.222
Chi phí khác bằng tiền	6.523.857.397	1.772.285.579
Cộng	314.318.975.342	552.020.195.518

4 . Chi phí tài chính

	2015	2014
Chi phí lãi vay		
- Văn phòng Công ty	7.086.347.860	909.887.848
Cộng	7.086.347.860	909.887.848

5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
- Văn phòng Công ty	22.233.551.105	20.178.771.305
- Chi nhánh Hải Dương	588.488.749	283.598.967
Cộng	22.822.039.854	20.462.370.272

Trong đó		
- Chi phí nhân viên	3.942.335.275	2.886.000.833
- Chi phí khấu hao TSCĐ	253.612.942	48.207.090
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.993.484.658	564.298.601
- Chi phí mô giới và giao hàng	13.378.750.000	15.430.442.102
- Chi phí bằng tiền khác	2.253.856.979	1.533.421.646
Cộng	22.822.039.854	20.462.370.272

6 . Thu nhập khác và Chi phí khác

	2015	2014
Thu nhập khác tại Văn phòng Công ty		
- Thanh lý tài sản (i)	8.500.000.000	863.636.363
- Thu tiền phạt đối tác	2.996.436.800	-
- Đối tác thưởng do dỡ hàng và giải phóng tàu nhanh	693.183.313	-
- Thu nhập khác	1.106.523	-
Cộng	12.190.726.636	863.636.363

Chi phí khác tại Văn phòng Công ty

- Thanh lý tài sản (i)	8.377.294.800	845.090.316
- Chi phí khác	171.862.951	1.395.093
Cộng	8.549.157.751	846.485.409

(i) Doanh thu và Chi phí thanh lý Tài sản năm 2015 phát sinh từ việc bán Tàu thủy (ghi nhận trên Chi phí xây dựng cơ bản dở dang).

7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2015	2014
Lợi nhuận trước thuế TNDN	7.091.372.315	5.624.175.534
Điều chỉnh tăng	148.330.130	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Điều chỉnh khác	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	7.239.702.445	5.624.175.534
Thuế suất thuế TNDN	22,0%	22,0%
Thuế TNDN phải nộp	1.592.734.538	1.237.318.617

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.498.637.777	4.386.856.917
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	1.000.000	886.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.499	4.946

Mệnh giá cổ phần là 100.000 VNĐ/cổ phần.

VII. Những thông tin khác

1 . Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực bán quặng và than cốc, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

2 . Giao dịch với các bên liên quan

Công nợ với Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

Giao dịch vay và cho vay với Ông Nguyễn Văn Bình (Các khoản phải trả ngắn hạn khác)

	VND
Số dư cho vay (đi vay) tại 31/12/2014	(4.200.000.000)
Phát sinh tăng	70.899.677.447
Phát sinh giảm	(60.699.677.447)
Số dư cho vay (đi vay) tại 31/12/2015	6.000.000.000

Các giao dịch này đều bằng được thanh toán bằng tiền mặt và không có lãi suất.

3 . Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (VND)	
	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.458.548.609	27.361.339.646
Phải thu khách hàng	70.495.356.758	50.215.559.589
Phải thu khác	7.555.364.948	6.603.512.840
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	101.509.270.315	88.180.412.075
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	100.092.481.694	104.540.997.592
Phải trả khác	10.527.716.014	2.000.000.000
Các khoản vay ngắn hạn	110.224.650.000	27.529.774.552
Vay và nợ dài hạn	240.000.000	364.800.000
Cộng	221.084.847.708	134.435.572.144

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

4 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

5 . Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng (VND)
Tại ngày 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.458.548.609	-	19.458.548.609
Phải thu khách hàng	70.495.356.758	-	70.495.356.758
Phải thu khác	7.555.364.948	-	7.555.364.948
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.000.000.000	4.000.000.000
	97.509.270.315	4.000.000.000	101.509.270.315
Tại ngày 31/12/2015			
Phải trả người bán	100.092.481.694	-	100.092.481.694
Phải trả khác	10.527.716.014	-	10.527.716.014
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay và nợ tài chính	110.224.650.000	240.000.000	110.464.650.000
	220.844.847.708	240.000.000	221.084.847.708

Tại ngày 31/12/2014

Tiền và các khoản tương đương tiền	27.361.339.646	-	27.361.339.646
Phải thu khách hàng	50.215.559.589	-	50.215.559.589
Phải thu khác	6.603.512.840	-	6.603.512.840
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.000.000.000	4.000.000.000
	84.180.412.075	4.000.000.000	88.180.412.075

Tại ngày 31/12/2014

Phải trả người bán	104.540.997.592	-	104.540.997.592
Phải trả khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay và nợ tài chính	27.529.774.552	364.800.000	27.894.574.552
	134.070.772.144	364.800.000	134.435.572.144

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 01/10/2016, Công ty tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng và đến thời điểm 05/12/2016 số vốn tăng thêm đã được góp đủ. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

8. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

9. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	86,54	83,23
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	13,46	16,77
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	66,98	57,28
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	33,02	42,72

2. Khả năng thanh toán

2.1 Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,49	1,75
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,29	1,46
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,09	0,20

3. Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	1,18	0,80
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	0,91	0,62

3.2 Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	2,13	2,31
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,66	1,80

3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu

%	5,01	4,21
---	------	------

Người lập



Nguyễn Mai Hoa

Kế toán trưởng



Trần Thị Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND				
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ/năm	5.961.225.629	14.252.453.855	401.000.000	20.614.679.484
Số tăng trong kỳ/năm	1.419.074.545	7.344.000.000	286.363.636	9.049.438.181
- Mua trong kỳ/năm	986.363.636	7.344.000.000	286.363.636	8.616.727.272
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	432.710.909	-	-	432.710.909
Số giảm trong kỳ/năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	7.380.300.174	21.596.453.855	687.363.636	29.664.117.665
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ/năm	1.351.374.265	4.258.471.326	-	5.609.845.591
Số tăng trong kỳ/năm	792.543.014	1.849.477.644	-	2.642.020.658
- Khấu hao trong kỳ/năm	792.543.014	1.849.477.644	-	2.642.020.658
Số giảm trong kỳ/năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	2.143.917.279	6.107.948.970	-	8.251.866.249
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ/năm	4.609.851.364	9.993.982.529	401.000.000	15.004.833.893
Tại ngày cuối kỳ/năm	5.236.382.895	15.488.504.885	687.363.636	21.412.251.416

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 02: Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	(148.290.671)	24.851.709.329
Tăng vốn năm trước	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế năm trước	-	4.386.856.917	4.386.856.917
Nộp Bảo hiểm thay người lao động	-	(41.912.957)	(41.912.957)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	4.196.653.289	104.196.653.289
Lợi nhuận sau thuế năm nay	-	5.498.637.777	5.498.637.777
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	9.695.291.066	109.695.291.066

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014		31/12/2015	
	Vốn góp	Tỷ lệ	Vốn góp	Tỷ lệ
- Nguyễn Văn Bình	82.000.000.000	82,00%	82.000.000.000	82,00%
- Nguyễn Xuân Trường	2.000.000.000	2,00%	2.000.000.000	2,00%
- Nguyễn Văn Đức	8.000.000.000	8,00%	8.000.000.000	8,00%
- Nguyễn Văn Dũng	8.000.000.000	8,00%	8.000.000.000	8,00%
Cộng	100.000.000.000		100.000.000.000	

(Mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng/cổ phần)